

Số: 2073/QĐ-UBND

Phan Rang - Tháp Chàm, ngày 22 tháng 5 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình:  
Chỉnh trang hạ tầng giao thông, thoát nước phường Đô Vinh

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Báo cáo số 106/BC-TCKH ngày 10/5/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành công trình với những nội dung chủ yếu như sau:

**1. Tên công trình:** Chỉnh trang hạ tầng giao thông, thoát nước phường Đô Vinh.

**2. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

**3. Địa điểm xây dựng:** Phường Đô Vinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

**4. Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế):** Từ ngày 31/5/2023 đến ngày 29/11/2023.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư:



### 1. Chi phí đầu tư:

(Đơn vị tính: đồng)

Số TT	Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Giá trị quyết toán được phê duyệt
<b>Tổng số</b>		<b>7.992.685.438</b>	<b>7.731.941.335</b>
1	Chi phí xây dựng	7.110.884.990	6.981.596.172
2	Chi phí quản lý dự án	181.818.715	181.818.715
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	514.106.288	505.115.543
4	Chi phí khác	63.429.905	63.410.905
5	Chi phí dự phòng	122.445.540	0

### 2. Nguồn vốn đầu tư:

(Đơn vị tính: đồng)

Số TT	Nguồn vốn	Tổng dự toán được duyệt	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6 = 4-5	7=5-4
	<b>Tổng số</b>	<b>7.992.685.438</b>	<b>7.731.941.335</b>	<b>7.150.000.000</b>	<b>581.941.335</b>	<b>0</b>
1	Nguồn vốn thu, tăng thu sử dụng đất thành phố và nguồn cân đối ngân sách địa phương theo phân cấp	7.992.685.438	7.731.941.335	7.150.000.000	581.941.335	0

### 3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

(Đơn vị tính: đồng)

Số TT	Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
		Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>		/	/	<b>7.731.941.335</b>	/
1	Tài sản dài hạn (tài sản cố định)	/	/	7.731.941.335	/
2	Tài sản ngắn hạn	/	/	/	/

**4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:**

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

**5. Vật tư thiết bị tổn động: Không.****Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:**1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:**

- Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

(Đơn vị tính: đồng)

Số TT	Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>		<b>7.731.941.335</b>	
1	Nguồn vốn thu, tăng thu sử dụng đất thành phố và nguồn cân đối ngân sách địa phương theo phân cấp	7.731.941.335	

Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 14/3/2024 là:

- Tổng nợ phải thu: **Không**.- Tổng nợ phải trả: **581.941.335 đồng**.

(Có bảng chi tiết tình hình thanh toán và công nợ kèm theo Quyết định này).

**2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản:** Được phép ghi tăng tài sản như sau:

(Đơn vị tính: đồng)

Số TT	Đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cổ định	Tài sản ngắn hạn
1	UBND phường Đô Vinh	7.731.941.335	/

**3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan:** Kho bạc Nhà nước tỉnh phối hợp Chủ đầu tư thanh toán các khoản theo giá trị quyết toán được phê duyệt.**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố, Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố, Chủ tịch UBND phường Đô Vinh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 4;
- Chủ tịch UBND TP;
- KBNN tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: VT.TN10b

**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phú



**BẢNG TÍNH HÌNH THÀNH TOÁN VÀ CÔNG NỢ**

**Công trình: Chính trang hạ tầng giao thông, thoát nước phường Đô Vinh**

(Kèm theo Quyết định số 2073/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 của Chủ tịch UBND thành phố Phan Rang - Tháp Chàm)

ĐVT: Đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ THỰC HIỆN	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	GIÁ TRỊ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN	ĐÃ THANH TOÁN, TẠM ỨNG	CÔNG NỢ ĐẾN NGÀY 14/3/2024	
					PHẢI TRẢ	PHẢI THU
A	B	C	I	2	3 = 1-2	4 = 2-1
1	Công ty TNHH Xây dựng PCCC Thuận Tiến	Chi phí xây dựng.	6.981.596.172	6.572.992.440	408.603.732	
2	Công ty TNHH XD và TM Gia Nguyễn	Chi phí kiểm tra vật liệu, kiểm định chất lượng công trình	66.796.036	51.307.812	15.488.224	
3	Công ty TNHH TV TK Trung Nguyễn	Chi phí khảo sát địa hình, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật	222.419.686	200.000.000	22.419.686	
4	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Miền Nhiệt Đới	Chi phí giám sát thi công	191.114.391	173.907.413	17.206.978	
5	Công ty TNHH Đồng Lợi Ninh Thuận	Chi phí lập HSMT & PTĐGHSDT xây dựng	24.785.430	24.785.430	0	
6	Công ty TNHH XD ATT Ninh Thuận	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình	6.751.726	6.751.726	0	
7	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố	Chi phí quản lý dự án	181.818.715	100.000.000	81.818.715	
8	Sở Xây dựng	Lệ phí thẩm định BCKTKT	1.330.000	0	1.330.000	
9	Công ty Bảo Minh Ninh Thuận	Chi phí bảo hiểm công trình	20.255.179	20.255.179	0	
10	Phòng Tài chính - Kế hoạch	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	35.074.000	0	35.074.000	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>7.731.941.335</b>	<b>7.150.000.000</b>	<b>581.941.335</b>	<b>-</b>

*Chữ*